

Bản án số: 27/2020/DS-ST
Ngày: 10-8-2020
V/v “**Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Trần Văn Tện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan PH- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-DS ngày 15/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1937 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Cầu Yên, xã Ngọc Tện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang (có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Cầu Yên, xã Ngọc Tện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1936 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Cầu Yên, xã Ngọc Tện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/03/2020 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Ngày 30/9/2017 vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị Mỹ có vay bà số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng có ghi vào giấy vay,

hai bên không hẹn ngày trả lãi suất mà chỉ nói với nhau là hàng tháng trả lãi. Hai bên có lập văn bản do anh T chính tay viết sau đó anh T, chị Mây ký tên vào giấy vay tiền của bà. Bà là người trực tiếp giao tiền mặt cho anh T, chị Mây nhận và ký giấy vay. Sau khi thực hiện hợp đồng vay anh T, chị Mây có trả lãi cho bà, nhưng sau đó trả không đúng hẹn có một số tháng lãi không trả. Bà không nhớ tổng số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Sau khi chị Mây chết, chết năm nào bà không nhớ. Bà đã nhiều lần đến nhà anh T để yêu cầu thanh toán trả hết số tiền nợ gốc nhưng anh T khát nợ. Vì hiện nay bà tuổi già sức yếu không thể suốt ngày đi đến nhà anh T đòi tiền nợ nên bà đề nghị Tòa án buộc anh T thanh toán trả bà số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng. Bà không yêu cầu anh T trả tiền lãi. Bà cho vợ chồng anh T vay tiền, nay chị Mây đã chết, anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà số tiền này, các con của anh T không biết và không liên quan đến số tiền vay trên nên bà đề nghị không đưa các con của anh T vào tham gia tố tụng trong vụ án, bà cũng không buộc các con anh T phải trả số tiền trên mà chỉ yêu cầu một mình anh T phải có trách nhiệm trả bà số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

Khi lập giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2017 và giao tiền thì chỉ có vợ chồng bà và vợ chồng anh T, ngờ ra không có ai khác. Khi vợ chồng anh T vay số tiền trên có nói với bà là mục đích vay tiền để làm ăn. Các con chị Mây, anh T không biết việc vay tiền trên. Bà xác định khoản vay nợ trên là của vợ chồng anh T, nay chị Mây đã chết bà yêu cầu anh T phải trả cho bà số tiền trên vì anh T là người trực tiếp viết giấy vay và ký vay tiền. Bà xác định số tiền cho vợ chồng anh T vay là số tiền chung của vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu anh T trả vợ chồng bà số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 30/9/2017. Bà không yêu cầu anh T trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà L có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu anh T phải trả vợ chồng bà số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 30/9/2017. Bà không yêu cầu anh T trả tiền lãi.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 30/9/2017 vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Hoàng Thị Mây có vay vợ chồng ông số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng có ghi vào giấy vay, hai bên không hẹn ngày trả lãi suất mà chỉ nói với nhau là hàng tháng trả lãi. Hai bên có lập văn bản do anh T chính tay viết sau đó anh T, chị Mây ký tên vào giấy vay tiền của vợ chồng ông. Bà L là người trực tiếp giao tiền mặt cho anh T, chị Mây nhận và ký giấy vay. Sau khi thực hiện hợp đồng vay anh T, chị Mây có trả lãi cho vợ chồng ông, nhưng sau đó trả không đúng hẹn có một số tháng lãi không trả. Ông không nhớ tổng số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Sau khi chị Mây chết, chết năm nào ông không nhớ. Bà L đã rất nhiều lần đến nhà anh T để yêu cầu thanh toán trả hết số tiền nợ gốc nhưng anh T toàn khát nợ. Nay ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án buộc anh T thanh toán trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng. Ông không yêu cầu anh T trả

tiền lãi. Ông và bà L cho vợ chồng anh T vay tiền, nay chị Mây đã chết, anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông số tiền trên, các con của anh T không biết và không liên quan đến số tiền vay này nên ông cũng không buộc các con anh T phải trả số tiền trên cho vợ chồng ông mà chỉ yêu cầu một mình anh T có trách nhiệm trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Khi lập giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2017 và giao tiền thì chỉ có vợ chồng ông và vợ chồng anh T, ngoài ra không có ai khác. Khi vợ chồng anh T vay số tiền trên có nối với vợ chồng ông là mục đích vay tiền để làm ăn của vợ chồng. Các con anh T còn nhỏ không biết việc vay tiền trên. Ông xác định khoản vay nợ trên là của vợ chồng anh T, nay chị Mây đã chết ông yêu cầu anh T phải trả cho vợ chồng ông số tiền trên vì anh T là người trực tiếp viết giấy vay và ký trong giấy vay tiền. Ông xác định số tiền cho vợ chồng anh T vay là số tiền chung của ông và bà L. Nay ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu anh T trả vợ chồng ông số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 30/9/2017. Ông không yêu cầu anh T trả vợ chồng ông tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn K vắng mặt.

* Tại các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình để xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị L buộc anh Nguyễn Văn T trả vợ chồng bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn Kiến số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn anh T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L; Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho bà L, ông K tổng số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Đỗ Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 30/9/2017 và bà không yêu cầu trả lãi được xác định là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại giấy vay tiền đề ngày 30/9/2017 số tiền vay là 15.000.000 đồng, giấy vay tiền do anh T viết và có chữ ký của anh T, chị Mây ký vay tiền, bà L khẳng định chữ viết và chữ ký "T, Nguyễn Văn T", "Mây, Hoàng Thị Mây" trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết và chữ ký của anh T, chị Mây. Tại các buổi làm việc và hòa giải của Tòa án thì anh T đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình về việc vay trả nợ đối với bà L. Mặt khác, bà L, ông K trình bày trong giấy biên nhận vay tiền trên chỉ có anh T, chị Mây giao dịch với vợ chồng ông bà nay chị Mây đã chết bà L, ông K chỉ yêu cầu anh T trả cho ông bà số tiền trên, ông bà không yêu cầu các con anh T phải có trách nhiệm trả số tiền này. Nên Hội đồng xét xử thấy, cần buộc cả anh T phải có trách nhiệm trả cho bà L, ông K số tiền trên. Tại phiên tòa bà L vẫn yêu cầu anh T phải trả cho vợ chồng bà số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh T có trách nhiệm phải trả nợ cho bà L, ông K số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng có căn cứ cần được chấp nhận.

* Về lãi suất bà L, ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa anh T vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thanh toán, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí

Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí anh T phải chịu là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Văn K số tiền gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi T hành án xong bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa T hành án.

[2] Án phí

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân

